

Stt	Nội dung yêu cầu	Mức điểm tối đa	Mức điểm chi tiết	Mức điểm tối thiểu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>I</b>	<b>Năng lực tài chính</b>	<b>12</b>		<b>7,2</b>
1	Biên khả năng thanh toán ( <i>phân chênh lệch giữa giá trị tài sản và các khoản nợ phải trả tại thời điểm tính toán</i> ):	4		
	- Biên khả năng thanh toán tính đến 31/12/2024: >1,5 biên khả năng thanh toán tối thiểu theo quy định hiện hành.		4	
	- Biên khả năng thanh toán tính đến 31/12/2024: từ 1 ÷ 1,5 biên khả năng thanh toán tối thiểu theo quy định hiện hành.		2,4	
	- Biên khả năng thanh toán tính đến 31/12/2024: nhỏ hơn (<) biên khả năng thanh toán tối thiểu theo quy định hiện hành.		0	
	<u>Lưu ý:</u> - Biên khả năng thanh toán tối thiểu là số lớn hơn giữa 25% tổng phí bảo hiểm thực giữ lại và 12,5% tổng phí bảo hiểm gốc cộng với phí nhận tái bảo hiểm tại thời điểm tính toán ( <b>Điều 64 ND73/2016/ND-CP</b> ). - Trường hợp liên danh, thành viên bất kỳ có biên khả năng thanh toán < Biên khả năng thanh toán tối thiểu theo quy định, điểm đánh giá chung của liên danh: 0 điểm			
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	4		
	- Mức vốn CSH thời điểm 31/12/2024: > 3 lần tổng giá trị công trình bảo hiểm		4	
	- Mức vốn CSH thời điểm 31/12/2024: từ ≥ vốn điều lệ tối thiểu theo quy định ÷ 3 lần tổng giá trị công trình bảo hiểm		2,4	
	- Mức vốn CSH thời điểm 31/12/2024: < vốn điều lệ tối thiểu theo quy định		0	
	<u>Ghi chú:</u> - Giá trị công trình bảo hiểm: 215,71 tỷ đồng; - Trường hợp liên danh, thành viên bất kỳ có mức vốn chủ sở hữu < vốn điều lệ tối thiểu theo quy định, điểm đánh giá chung của liên danh: 0 điểm			
3	Quỹ dự phòng nghiệp vụ:	4		
	- Tính tại thời điểm 31/12/2024 đạt: > 3 lần tổng giá trị công trình bảo hiểm		4	
	- Tính tại thời điểm 31/12/2024 đạt: từ 1÷3 lần tổng giá trị công trình bảo hiểm		2,4	
	<u>Ghi chú:</u> - Trường hợp liên danh, đánh giá đối với từng thành viên trong liên danh theo quy định trên. Điểm đánh giá của liên danh là điểm của thành viên có số điểm được đánh giá thấp nhất trong các thành viên.			

<b>II</b>	<b>Kinh nghiệm giải quyết bồi thường</b> (Tôn thất liên quan đến bảo hiểm xây dựng công trình giao thông. Thời gian tính từ ngày 01/01/2021 đến thời điểm đóng thầu)	<b>15</b>		<b>9</b>
	- Số vụ tôn thất trong tự được giải quyết: $\geq 3$		15	
	- Số vụ tôn thất trong tự được giải quyết: $1 \leq < 3$		9	
	- Số vụ tôn thất trong tự được giải quyết: $< 1$		0	
	<b>Lưu ý:</b> - Nhà thầu cung cấp Bản chụp có chứng thực thư chấp nhận bồi thường hoặc miễn giảm trách nhiệm của Người được bảo hiểm. - Thời điểm để xác định kinh nghiệm là: thời điểm theo thư chấp nhận của CĐT/người được bảo hiểm. - Trường hợp liên danh điểm được tính bình quân theo tỷ lệ tham gia. Trong đó thành viên đứng đầu liên danh phải có ít nhất 1 vụ việc.			
<b>III</b>	<b>Phạm vi bảo hiểm</b>	<b>25</b>		<b>15</b>
1	Thời hạn bảo hiểm	4		
	- Thời gian bảo hiểm cho thời gian thi công Gói thầu XL04 $\geq 300$ ngày và bao gồm thời gian bảo hiểm cho thời gian bảo hành $\geq 720$ ngày.		4	
	- Thời gian bảo hiểm cho thời gian thi công Gói thầu XL04 $< 300$ ngày và không bao gồm thời gian bảo hiểm cho thời gian bảo hành hoặc có nhưng $< 720$ ngày.		0	
	<b>Ghi chú:</b> Thời gian bảo hành được tính từ khai bắt đầu có Biên bản bàn giao đưa công trình vào khai thác sử dụng cho đơn vị quản lý.			
2	Bản chào phí đáp ứng đầy đủ các điều kiện bảo hiểm, phạm vi bảo hiểm như yêu cầu tại Phần 2 của E-HSMT	5		
	- Bản chào phí đáp ứng đầy đủ các điều kiện bảo hiểm, phạm vi bảo hiểm như yêu cầu tại Phần 2 của E-HSMT và có kèm một hoặc một số điều khoản có lợi cho Chủ đầu tư.		5	
	- Bản chào phí đáp ứng đầy đủ các điều kiện bảo hiểm, phạm vi bảo hiểm như yêu cầu tại Phần 2 của E-HSMT.		3	
	- Không có Bản chào phí hoặc có nhưng không đầy đủ các điều kiện bảo hiểm, phạm vi bảo hiểm như yêu cầu tại Phần 2 của E-HSMT hoặc có điều khoản bất lợi cho Chủ đầu tư.		0	

3	<p><b>Mức trách nhiệm bảo hiểm tối thiểu:</b>  - Thiệt hại vật chất: 215.710.000.000 đồng (Giá trị phần cầu: 126.620.000.000 đồng; giá trị phần đường: 29.250.000.000 đồng và giá trị phần mặt đường trong hầm; thiết bị cơ - điện, SCADA, PCCC: 59.840.000.000 đồng.</p> <p>- Mức trách nhiệm bảo hiểm đối với bên thứ ba (Điều 55 NĐ67/2023/NĐ-CP):  + Đối với thiệt hại về sức khỏe, tính mạng là: 100.000.000 đồng cho một người trong một vụ và không giới hạn số vụ tổn thất.  + Đối với thiệt hại về tài sản và chi phí pháp lý có liên quan (nếu có) là: 21.571.000.000 đồng (10% giá trị công trình theo NĐ67) cho cả thời hạn bảo hiểm và không giới hạn số vụ tổn thất.</p>	5		
	- Đề xuất đầy đủ mức trách nhiệm và có mức trách nhiệm bên thứ 3 cao hơn mức quy định E-HSMT		5	
	- Đề xuất mức trách nhiệm theo quy định E-HSMT		3	
	- Đề xuất mức trách nhiệm thấp hơn mức quy định E-HSMT		0	
4	<b>Phí bảo hiểm</b>	4		
	- Bao gồm đầy đủ thuế VAT; các loại phụ phí bảo hiểm cho rủi ro lũ lụt, bão và rủi ro động đất, lún sụt, phí cho các điều khoản bổ sung theo quy định của doanh nghiệp và các loại phụ phí khác có liên quan (nếu có).		4	
	- Không đầy đủ thuế VAT và đề xuất riêng các loại phụ phí bảo hiểm cho rủi ro lũ lụt, bão và rủi ro động đất, lún sụt; phụ phí cho các điều khoản bổ sung và các loại phụ phí khác có liên quan (nếu có).		0	
5	<b>Mức khấu trừ</b> (đối với thiệt hại vật chất do rủi ro thiên tai, rủi ro khác và đối với trách nhiệm bên thứ 3): căn cứ NĐ67/2023/NĐ-CP ngày 06/9/2023 của Chính phủ.	7		
	- Nhà thầu có mức khấu trừ theo NĐ67/2023/NĐ-CP và thấp nhất:		7	
	- Mỗi Nhà thầu có mức khấu trừ cao hơn mức khấu trừ của nhà thầu có mức khấu trừ thấp liền kề tính từ nhà thầu có mức khấu trừ đạt mức điểm tối đa sẽ trừ 1 điểm so với nhà thầu có mức khấu trừ thấp liền kề trước, cho đến tối đa đạt mức điểm tối thiểu của tiêu chí (4,2 điểm)		4,2	
<b>IV</b>	<b>Chương trình tái bảo hiểm</b>	<b>20</b>		<b>12</b>

1	<p><b>Chương trình tái bảo hiểm:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khai chi tiết tên, tỷ lệ tái bảo hiểm cho từng nhà tái và tỷ lệ giữ lại của nhà thầu đảm bảo tổng mức trách nhiệm bằng 100% mức trách nhiệm gói thầu. Trong đó, tổng tỷ lệ tái bảo hiểm tối đa là 90% mức trách nhiệm bảo hiểm.</li> <li>- Nêu rõ tên của nhà tái bảo hiểm đứng đầu (Nếu có).</li> <li>- Trường hợp tái bảo hiểm cho doanh nghiệp nước ngoài (<b>khoản 2 Điều 33 NĐ46/2023/NĐ-CP</b>) thì Doanh nghiệp, tổ chức bảo hiểm nước ngoài đứng đầu nhận tái bảo hiểm và doanh nghiệp, tổ chức bảo hiểm nước ngoài nhận tái bảo hiểm từ 10% tổng mức trách nhiệm phải được xếp hạng tối thiểu "BBB" theo Standard &amp; Poor's hoặc Fitch, "B++" theo A.M.Best, "Baal" theo Moody's hoặc các kết quả xếp hạng tương đương của các tổ chức có chức năng, kinh nghiệm xếp hạng khác nhau tại năm tài chính gần nhất (năm 2024).</li> </ul>	7		
	- Nhà thầu đủ điều kiện giữ lại 100% mức trách nhiệm của gói thầu.		7	
	- Không đủ điều kiện giữ lại 100% mức trách nhiệm, có trường hợp tái bảo hiểm và đề xuất nhà tái cụ thể, chi tiết, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu E-HSMT nêu trên.		4,2	
	- Không đủ điều kiện giữ lại 100% mức trách nhiệm, nhưng không có chương trình tái bảo hiểm hoặc có nhưng không chi tiết, không đầy đủ đáp ứng yêu cầu E-HSMT nêu trên.		0	
	<p><b>Lưu ý:</b>  <i>Nhà thầu phải cung cấp bảng xếp hạng mới nhất của các tổ chức quốc tế để chứng minh vị trí xếp hạng của doanh nghiệp nhận tái bảo hiểm.</i></p>			
2	<p><b>Bản chào tái bảo hiểm:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng tái bảo hiểm tạm thời: Có bản chào tái bảo hiểm của nhà tái bảo hiểm đứng đầu. Hiệu lực của bản chào tái tối thiểu bằng hiệu lực của E-HSMT.</li> <li>- Sử dụng hợp đồng tái bảo hiểm cố định: Có bản thỏa thuận/hợp đồng tái bảo hiểm cố định của Nhà thầu với Nhà tái bảo hiểm nhận tái hoặc bản xác nhận hợp đồng của Nhà tái bảo hiểm (bản chụp có chứng thực).</li> </ul>	6		
	- Có bản chào tái bảo hiểm đáp ứng yêu cầu E-HSMT nêu trên hoặc <b>không chuyển tái bảo hiểm</b>		6	
	- Không có bản chào tái bảo hiểm đáp ứng yêu cầu E-HSMT nêu trên		0	
	<p><b>Lưu ý:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp liên danh thì mỗi thành viên liên danh phải cung cấp văn bản này.</li> <li>- Điều kiện doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài khoản 2 Điều 33 NĐ 46/2023/NĐ-CP.</li> </ul>			
3	<p><b>Mức giữ lại của nhà thầu:</b>  (Điều 33, Thông tư số 67/2023/TT-BTC ngày 02/11/2023 của BTC hướng dẫn một số điều Luật bảo hiểm và NĐ46/2023/NĐ-CP)</p>	7		
	- Mức giữ lại ≤ 10 % vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2024.		7	
	- Mức giữ lại > 10 % vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2024.		0	

	<b>Lưu ý:</b> <i>Trường hợp liên danh, từng thành viên liên danh phải thoả mãn yêu cầu trên.</i>			
<b>V</b>	<b>Quy trình tổ chức thực hiện gói thầu, phương thức, thủ tục, thời hạn giải quyết bồi thường</b>	<b>18</b>		<b>10,8</b>
1	Quy trình tổ chức thực hiện gói thầu, phương thức, thủ tục, thời hạn giải quyết bồi thường	5		
	- Quy trình rõ ràng, phù hợp với yêu cầu gói thầu, kèm sơ đồ thể hiện quy trình. Sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa các bên liên quan (Người được bảo hiểm - Công ty bảo hiểm - Công ty giám định độc lập - Đơn vị tái bảo hiểm (nếu có)).		5	
	- Quy trình tương đối rõ ràng, phù hợp với yêu cầu gói thầu, kèm sơ đồ thể hiện quy trình. Sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa các bên liên quan (Người được bảo hiểm - Công ty bảo hiểm - Công ty giám định độc lập - Đơn vị tái bảo hiểm (nếu có)).		3	
	- Không có hoặc có Quy trình nhưng không phù hợp với yêu cầu gói thầu, không có sơ đồ thể hiện quy trình hoặc có nhưng sơ đồ không thể hiện rõ mối quan hệ giữa các bên liên quan (Người được bảo hiểm - Công ty bảo hiểm - Công ty giám định độc lập - Đơn vị tái bảo hiểm (nếu có)).		0	
2	Phương thức giải quyết bồi thường khi có tồn thất	4		
	- Có phương thức giải quyết và được nêu đầy đủ, chi tiết hướng dẫn phương thức, giấy tờ thủ tục giải quyết, khiếu nại, đòi bồi thường cho khách hàng		4	
	- Phương thức giải quyết nêu tương đối đầy đủ, chi tiết hướng dẫn phương thức, giấy tờ thủ tục giải quyết, khiếu nại, đòi bồi thường cho khách hàng		2,4	
	- Không có hoặc có nhưng Phương thức giải quyết sơ sài, không chi tiết hướng dẫn phương thức, giấy tờ thủ tục giải quyết, khiếu nại, đòi bồi thường cho khách hàng		0	
3	Thời gian giải quyết bồi thường	5		
	- < 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.		5	
	- 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.		3	
	- > 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.		0	
4	Công ty giám định độc lập	4		
	- Đề xuất ≥ 02 Công ty giám định độc lập có năng lực phù hợp cho gói thầu.		4	
	- Đề xuất 01 Công ty giám định độc lập có năng lực phù hợp cho gói thầu.		2,4	
	- Không đề xuất hoặc đề xuất nhưng không đáp ứng yêu cầu hoặc không có tài liệu chứng minh		0	
<b>VI</b>	<b>Điều khoản bảo hiểm bổ sung</b>	<b>10</b>		<b>6</b>
1	Điều khoản bổ sung do nhà thầu đề xuất	5		
	- Nhà thầu có đề xuất điều khoản bảo hiểm bổ sung và có lợi cho Chủ đầu tư/người được bảo hiểm		5	
	- Không đề xuất điều khoản bảo hiểm bổ sung hoặc có nhưng không có điều khoản bất lợi cho Chủ đầu tư/người được bảo hiểm		3	
	- Đề xuất điều khoản bảo hiểm bổ sung, nhưng có điều khoản bất lợi cho Chủ đầu tư/người được bảo hiểm		0	
2	Giới hạn trách nhiệm của điều khoản bổ sung	5		

- Nhà thầu có tổng giá trị giới hạn trách nhiệm của các điều khoản bổ sung có lợi cho Chủ đầu tư/người được bảo hiểm cao nhất		5	
- Mỗi Nhà thầu có tổng giá trị giới hạn trách nhiệm của các điều khoản bổ sung có lợi cho Chủ đầu tư/người được bảo hiểm thấp hơn giá trị của nhà thầu có tổng giá trị cao hơn liền kề tính từ nhà thầu có tổng giá trị đạt điểm tối đa sẽ trừ 1 điểm so với nhà thầu có tổng giá trị cao hơn liền kề trước, cho đến tối đa đạt mức điểm tối thiểu của tiêu chí (3 điểm)		3	
<b><u>TỔNG SỐ ĐIỂM</u></b>	<b>100</b>		<b>70</b>